TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Khắc Hiệp
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Văn Thị Kim L, sinh năm 2004. Nơi cư trú: 178/2 ấp AT, xã AQ, huyện TP, tỉnh BT. (xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1997. Nơi cư trú: 134/3 ấp AĐ, xã AT, huyện TP, tỉnh BT. (vắng mặt không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Văn Thị Kim L trình bày:

Vào năm 2022 chị và anh Nguyễn Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã An Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/8/2022. Cuộc sống hôn nhân của chị và anh K hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhận thấy không thể sống chung nhau nữa nên chị và anh K đã

sống ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng còn, vợ chồng đã sống ly thân nên tôi yêu cầu ly hôn anh K. Về con chung: chị và anh K không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng.

Trong quá trình tố tụng anh Nguyễn Duy K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Duy K không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Văn Thị Kim L. Chị L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét.

Về con chung: Không có nên không xem xét

Về tài sản chung: Chị L trình bày không có tài sản chung nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị L trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Văn Thị Kim L yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Duy K nên căn cứ vào điều 51 Luật hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn".

[2] Anh Nguyễn Duy K hiện đang cư trú tại ấp AĐ, xã AT, huyện TP, tỉnh BT. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[3] Xét việc anh Nguyễn Duy K vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Anh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh K vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh K theo quy định

Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Văn Thị Kim L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị L và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã AT, huyện TP, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/8/2022. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị L cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh K đã trải qua khoảng thời gần đây mất hạnh phúc từ việc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Nên tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân nên hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Đối với anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh K cho thấy nội dung mà chị L đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh K là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị L trình bày không có con chung, anh K không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị L trình bày không có tài sản chung, anh K không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị L trình bày không có nợ chung, anh K không có ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Chị L phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Văn Thị Kim L. Chị L được ly hôn với anh Nguyễn Duy K.

Chị Văn Thị Kim L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị L trình bày không có con chung, anh K không ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị L trình bày không có tài sản chung, anh K không ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị L trình bày không có nợ chung, anh K không ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Văn Thị Kim L phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000179 ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

6. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thúy